

Số: **1349**/QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý quy hoạch
ngành nông nghiệp và PTNT

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 2238/QĐ-BNN-KH ngày 20/08/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy định về quản lý quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, KH. (70)


BỘ TRƯỞNG
Phát
Cao Đức Phát

QUY ĐỊNH
Về quản lý quy hoạch ngành
nông nghiệp và phát triển nông thôn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1349 /QĐ-BNN-KH
Ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý các dự án quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia quản lý hoặc tư vấn lập, thẩm định quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc quản lý quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT

1. Xây dựng cơ chế quản lý công tác quy hoạch phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước, không ngừng nâng cao chất lượng quy hoạch trên cơ sở thay đổi nội dung và phương pháp quy hoạch, thay đổi quá trình quản lý công tác quy hoạch để khắc phục tình trạng quy hoạch kém chất lượng, gây lãng phí nguồn lực.

2. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý ngành, tạo được sự thống nhất hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ngành dài hạn, khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ, manh mún trong quy hoạch, đồng thời tăng cường phân cấp, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan quản lý ngành.

3. Phân rõ chức năng và trách nhiệm của cơ quan tư vấn với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quy hoạch; từng bước mở rộng sự tham gia của các tổ chức, chuyên gia tư vấn trong tất cả các khu vực vào quá trình lựa chọn danh mục dự án; xây dựng, thẩm định đề cương dự toán; xây dựng hồ sơ mời thầu và thẩm định, tuyển chọn tư vấn; thẩm định, phê duyệt, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch.

4. Công tác quản lý quy hoạch đảm bảo sự phù hợp giữa phân bố sản xuất, phân bố dân cư và phân bố hệ thống hạ tầng ngành nông nghiệp và PTNT; phát huy được lợi thế so sánh của các vùng, các địa phương, gắn được

sản xuất, chế biến với thị trường; đảm bảo hình thành cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành nông nghiệp và PTNT; đạt hiệu quả trước mắt và lâu dài, hiệu quả cục bộ và hiệu quả tổng thể; tập trung giải quyết những vấn đề tổng thể, có tính định hướng lớn của ngành, xác định phân bố ngành trong một cấu trúc không gian tối ưu và đảm bảo có tính khả thi cao.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Ngành nông nghiệp và PTNT” được hiểu bao gồm các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn.

2. “Quản lý quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT” là quản lý toàn bộ hoạt động bao gồm: lựa chọn dự án quy hoạch; thẩm định, phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí; tuyển chọn tư vấn; kiểm tra, giám sát quá trình lập quy hoạch; thẩm định phê duyệt quy hoạch; tổ chức triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch; điều chỉnh các quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT.

3. “Cơ quan lập quy hoạch” là các đơn vị trực thuộc được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao lập, quản lý dự án quy hoạch theo phân công tại khoản 1, Điều 8 của Quy định này.

4. “Hạn mức kinh phí” là kinh phí tối đa được Bộ giao để lập một dự án quy hoạch.

5. “Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch” là cơ quan, đơn vị được Bộ giao làm chức năng thường trực thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và thẩm định quy hoạch, cụ thể:

- Đối với các dự án quy hoạch do các Cục/Vụ quản lý, Vụ Kế hoạch là Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch;

- Đối với các dự án quy hoạch do các Tổng cục quản lý, Vụ Kế hoạch – Tài chính của Tổng cục là Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch.

Điều 5. Các loại quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT được phép lập

1. Quy hoạch các ngành/ lĩnh vực sản xuất chủ yếu gồm: quy hoạch tổng thể ngành nông lâm thủy sản; quy hoạch các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp; Chế biến nông sản và ngành nghề nông thôn.

2. Quy hoạch ngành hàng và sản phẩm chủ yếu gồm: quy hoạch các ngành hàng lúa gạo, mía đường, cà phê, cao su, chè, tiêu, điều, bò sữa, lợn, gia cầm, muối, cá tra, tôm, rừng nguyên liệu.

3. Quy hoạch sắp xếp dân cư nông thôn.

4. Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gồm: quy hoạch thủy lợi, đê điều, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hệ thống trạm trại kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp.

5. Quy hoạch bảo vệ môi trường gồm: Quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng; Quy hoạch khu bảo tồn biển và mặt nước nội địa.

Các loại quy hoạch nằm ngoài danh mục nêu trên nếu xét thấy cần thiết phải lập quy hoạch, báo cáo Bộ trưởng quyết định.

Điều 6. Thời gian định hướng của quy hoạch và thời gian lập quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT

1. Thời gian định hướng của quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT là 10 năm và có tầm nhìn 10 năm tiếp theo, trong đó phần quy hoạch 10 năm có thể hiện cho từng thời kỳ 5 năm.

2. Thời gian lập và phê duyệt các loại quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT không vượt quá 2 năm. Trường hợp đặc biệt cần kéo dài phải báo cáo Bộ trưởng.

Chương II

PHÂN CẤP VÀ PHÂN CÔNG QUẢN LÝ QUY HOẠCH NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Điều 7. Quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức lập và quản lý

Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo công tác quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT trên phạm vi cả nước. Trực tiếp tổ chức lập và thực hiện quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT toàn quốc; các vùng kinh tế - sinh thái; các vùng kinh tế trọng điểm; các vùng hay lưu vực sông liên tỉnh/TP trực thuộc Trung ương; các quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT thuộc phạm vi của một địa phương nhưng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quản lý ngành theo yêu cầu của Chính phủ.

Điều 8. Phân công và phân cấp quản lý dự án quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT tại Bộ Nông nghiệp và PTNT

1. Phân công quản lý các dự án quy hoạch:

a) Các quy hoạch tổng hợp toàn ngành, quy hoạch đa ngành, đa lĩnh vực do Vụ Kế hoạch chịu trách nhiệm quản lý.

b) Các quy hoạch chuyên ngành, chuyên lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu do Tổng cục, Cục, Vụ trực thuộc Bộ quản lý.

Việc phân công quản lý đối với từng dự án quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT cụ thể do Bộ trưởng quyết định.

2. Phân cấp quản lý:

a) Phân cấp cho các Tổng cục:

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí (Đề cương-tổng dự toán): Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề cương- tổng dự toán; phê duyệt Đề cương-tổng dự toán và Đề cương-dự toán chi tiết hàng năm;

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch đầu thầu; Hồ sơ mời thầu; Tổ đánh giá Hồ sơ dự thầu; Kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Chỉ đạo tư vấn lập quy hoạch; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu tiến độ và thẩm định, nghiệm thu hoàn thành dự án quy hoạch;

- Giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc; thẩm định, phê duyệt quyết toán hàng năm và tổng hợp quyết toán khi kết thúc dự án;

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch lập Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch;

- Tổ chức công bố, quản lý và theo dõi giám sát thực hiện quy hoạch.

b) Phân cấp cho các Cục/Vụ:

- Tổ chức lập và trình Bộ phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí;

- Quyết định phê duyệt Đề cương- dự toán chi tiết hàng năm trên cơ sở Đề cương-tổng dự toán đã được Bộ phê duyệt (đối với dự án quy hoạch có thời gian lập trên một năm);

- Quyết định phê duyệt: Kế hoạch đầu thầu; Hồ sơ mời thầu; Tổ đánh giá Hồ sơ dự thầu; Kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Chỉ đạo tư vấn lập quy hoạch và tổ chức kiểm tra nghiệm thu tiến độ và thẩm định, nghiệm thu hoàn thành dự án quy hoạch (Trường hợp đơn vị tự thực hiện thì trình Bộ nghiệm thu hoàn thành dự án);

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch trình Bộ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí, Hội đồng thẩm định quy hoạch và lập Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch;

- Tổ chức công bố và theo dõi giám sát thực hiện quy hoạch.

Điều 9. Trách nhiệm Vụ Kế hoạch

1. Hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch quy hoạch dài hạn và hàng năm;

2. Tổng hợp, tham mưu trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục và hạn mức kinh phí dự án mở mới;

3. Tổng hợp trình Bộ phê duyệt phương án phân bổ khung vốn thiết kế quy hoạch; trình Bộ điều chỉnh hạn mức kinh phí trong trường hợp Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí điều chỉnh vượt hạn mức kinh phí;

4. Tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện và tình hình quản lý các dự án quy hoạch;

5. Trực tiếp quản lý thực hiện các dự án quy hoạch theo phân công được quy định tại mục a khoản 1 Điều 8;

6. Thực hiện chức năng Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch đối với các dự án quy hoạch do các Cục/Vụ quản lý, cụ thể:

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan lập quy hoạch trình Bộ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí và tổ chức thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan lập quy hoạch trình Bộ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và tổ chức thẩm định quy hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan lập quy hoạch trình phê duyệt quy hoạch;

7. Phối hợp với các Tổng cục, Cục, Vụ quản lý các dự án quy hoạch chuyên ngành, cụ thể:

- Tham gia các Hội đồng thẩm định;

- Trình Bộ nghiệm thu hoàn thành dự án trong trường hợp cơ quan lập quy hoạch tự thực hiện dự án;

- Kiểm tra và có ý kiến bằng văn bản về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ quy hoạch, tính khả thi về nguồn vốn của dự án quy hoạch trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

8. Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy chế quản lý các dự án quy hoạch của các đơn vị thuộc Bộ.

Điều 10. Trách nhiệm các Tổng cục, Cục thuộc Bộ.

1. Đề xuất kế hoạch quy hoạch dài hạn, hàng năm và danh mục dự án quy hoạch mở mới hàng năm qua Vụ Kế hoạch để tổng hợp, tham mưu trình Bộ trưởng quyết định triển khai;

2. Thực hiện chức năng quản lý các dự án quy hoạch theo phân công và phân cấp tại Điều 8;

3. Phối hợp với các đơn vị khác trong việc xem xét nội dung chuyên ngành liên quan của các dự án quy hoạch không thuộc phạm vi quản lý trực tiếp;

4. Phối hợp với Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính để xây dựng kế hoạch quy hoạch, đề xuất cơ chế quản lý các dự án quy hoạch.

Điều 11. Trách nhiệm Vụ Tài chính

1. Phối hợp với Vụ Kế hoạch trong việc xây dựng và bảo vệ kế hoạch thiết kế quy hoạch dài hạn và hàng năm;

2. Chủ trì nghiên cứu, đề xuất với Bộ trưởng cơ chế quản lý tài chính áp dụng cho công tác quy hoạch ngành phù hợp với chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước;

3. Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán dự án quy hoạch và quyết toán hàng năm cũng như tổng hợp quyết toán khi kết thúc dự án; kiểm tra việc phê duyệt dự toán và quyết toán hàng năm;

4. Giao dự toán quy hoạch hàng năm, phối hợp với Kho bạc Nhà nước đảm bảo giải ngân và kiểm tra thực hiện dự toán của các dự án;

5. Tham gia Hội đồng thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí, tham gia nghiệm thu hàng năm và nghiệm thu hoàn thành dự án;

6. Chủ trì thẩm tra, xét duyệt/phê duyệt quyết toán năm, tổng hợp quyết toán khi kết thúc các dự án quy hoạch do các Cục, Vụ quản lý; Chủ trì thẩm định quyết toán các dự án quy hoạch do các Tổng cục quản lý;

7. Phối hợp với Vụ Kế hoạch và các Tổng cục/Cục quản lý chuyên ngành trong việc thực hiện công tác quản lý quy hoạch khác.

Điều 12. Trách nhiệm các cơ quan chức năng khác

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

- Tham gia các Hội đồng thẩm định; cung cấp thông tin về các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan cho các cơ quan lập quy hoạch nhằm đảm bảo sự kế thừa, tránh được sự trùng lặp về nội dung giữa các đề tài và dự án quy hoạch;

- Chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với các dự án quy hoạch theo phân công và phân cấp của Bộ;

- Chủ trì nghiên cứu và trình Bộ phê duyệt Tiêu chuẩn quy hoạch ngành.

2. Vụ Hợp tác Quốc tế: có nhiệm vụ giới thiệu các quy hoạch ngành được phê duyệt với cộng đồng các nhà tài trợ và các nhà đầu tư quốc tế; vận động kêu gọi vốn đầu tư để triển khai các chương trình dự án theo quy hoạch được duyệt.

3. Trung tâm Tin học và Thống kê: có nhiệm vụ quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin về kết quả quy hoạch phù hợp với các quy định hiện hành.

4. Các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu ngành nông nghiệp và PTNT: Tham gia đấu thầu tư vấn, tham gia các Hội đồng thẩm định (khi được mời); đề xuất danh mục các dự án quy hoạch mới để Bộ xem xét.

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, chuyên gia tư vấn quy hoạch.

1. Tổ chức, chuyên gia tư vấn được chọn thực hiện tư vấn trong các khâu sau: lập, thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí; lập, đánh giá Hồ sơ thầu; lập, thẩm định quy hoạch.

2. Tổ chức, chuyên gia tư vấn được tuyển chọn qua đấu thầu rộng rãi, chỉ định thầu hoặc giao nhiệm vụ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Tổ chức, chuyên gia tư vấn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác, khách quan đối với công tác chuyên môn. Trách nhiệm của tổ chức, chuyên gia tư vấn được xác định trong hợp đồng tư vấn hoặc quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung cung cấp dịch vụ tư vấn trong Đề cương được phê duyệt và Hợp đồng ký kết với cơ quan lập quy hoạch hoặc quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tổ chức, chuyên gia tư vấn tiến hành triển khai công việc, thực hiện chế độ báo cáo với các cơ quan quản lý theo quy định tại Điều 22 của Quy định này.

Điều 14. Hội đồng thẩm định

1. Các Hội đồng thẩm định và chức năng

Có 02 loại Hội đồng thẩm định được thành lập:

a) Hội đồng thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí (Chỉ lập khi dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ): Có chức năng tư vấn cho đơn vị thường trực thẩm định thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.

b) Hội đồng thẩm định quy hoạch: Có chức năng tư vấn cho cơ quan lập quy hoạch thẩm định dự án quy hoạch.

2. Thành phần và cơ cấu các Hội đồng thẩm định:

- Hội đồng thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí do Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch trình cấp có thẩm quyền thành lập (theo phân cấp) với thành phần phù hợp theo yêu cầu chuyên môn của từng dự án. Hội đồng có ít nhất 11 thành viên, trong đó thành phần bắt buộc bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 02 phản biện, 01 đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 01 đại diện của Bộ Tài chính, 01 đại diện lãnh đạo Cơ quan lập quy hoạch, 01 đại diện Vụ Kế hoạch, 01 đại diện Vụ Tài chính.

- Hội đồng thẩm định quy hoạch do Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch trình Bộ quyết định thành lập với thành phần theo quy định của Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, Bộ quy định bổ sung như sau:

- + 01 đại diện lãnh đạo Vụ Kế hoạch là thành viên Hội đồng;
- + Số thành viên là người của cơ quan lập quy hoạch không được vượt quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng.

Chương III

TRÌNH TỰ LỰA CHỌN DANH MỤC DỰ ÁN; LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ TUYỂN CHỌN TƯ VẤN

Điều 15. Căn cứ lựa chọn danh mục dự án quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT

1. Quy định danh mục các loại quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT được phép lập tại Điều 5 Quyết định này
2. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Quốc gia và chiến lược phát triển ngành nông nghiệp và PTNT; các chủ trương và chính sách ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp và PTNT trong thời kỳ quy hoạch;
3. Tình hình thực hiện quy hoạch những năm trước, những vấn đề và thách thức mới đặt ra cần giải quyết và những định hướng ưu tiên để thúc đẩy ngành nông nghiệp và PTNT phát triển nhanh, bền vững.
4. Đề nghị của các Bộ, Ngành và các địa phương, đề xuất của các Tổng cục/Cục/Vụ và các cơ quan nghiên cứu ngành nông nghiệp và PTNT, các đơn vị sản xuất kinh doanh có liên quan.
5. Nguồn vốn thiết kế quy hoạch hàng năm được phân bổ và nhu cầu vốn để triển khai các dự án quy hoạch.

Điều 16. Trình tự và thủ tục đề xuất dự án quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT mở mới

1. Các cơ quan quản lý thuộc Bộ tổng hợp đề xuất của các đơn vị trực thuộc, kiến nghị của các địa phương, các cơ quan nghiên cứu ngành nông nghiệp và PTNT và các tổ chức khác, lựa chọn các dự án quy hoạch ưu tiên mở mới gửi về Vụ Kế hoạch trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch.
Mỗi dự án đề xuất mới có kèm theo Đề cương tóm tắt, trình bày tối thiểu trên 5 trang A4 với các nội dung chính như phụ lục 1 kèm theo.
2. Vụ Kế hoạch tổng hợp, trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục dự án quy hoạch mở mới và phân giao nhiệm vụ quản lý dự án trước ngày 31 tháng 7 năm trước năm kế hoạch.
3. Việc bổ sung danh mục dự án mở mới được thực hiện trong trường hợp để thực hiện nhiệm vụ cấp bách do Chính phủ hoặc Bộ giao.

Điều 17. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng hoặc thuê tư vấn xây dựng và chịu trách nhiệm về Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của các dự án quy hoạch mở mới. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng Cơ quan lập quy hoạch và tổ chức tư vấn lập Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí (nếu có).

2. Căn cứ lập Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí; Nội dung Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí; Thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí; Trình phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí thực hiện theo các Điều 4, 5, 6, 7 Thông tư số 05/2013/TT- BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngoài ra, Bộ quy định bổ sung như sau:

- Việc thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng thực hiện theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan liên quan; trong đó, phải có ý kiến của Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính.

- Việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí các dự án quy hoạch mở mới phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

Điều 18. Tuyển chọn tư vấn lập quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT

1. Tuyển chọn tư vấn quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT thực hiện theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các quy định của Chính phủ;

2. Cơ quan lập quy hoạch phê duyệt kế hoạch đấu thầu và tổ chức thực hiện kế hoạch đấu thầu;

3. Việc lựa chọn tư vấn lập quy hoạch phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

Điều 19. Lập kế hoạch vốn, giao và lập dự toán thực hiện hàng năm

1. Lập kế hoạch vốn thiết kế quy hoạch

Hàng năm, vào kỳ lập kế hoạch, các Tổng cục/Cục/Vụ lập dự toán kinh phí chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án quy hoạch gửi Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ gửi Bộ Tài chính.

2. Phân bổ vốn thiết kế quy hoạch

- Căn cứ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch được Bộ Tài chính giao, Vụ Kế hoạch trình Bộ trưởng thông qua phương án phân bổ

khung vốn kế hoạch thiết kế quy hoạch và thông báo cho các Tổng cục/Cục/Vụ đề đề xuất phân bổ chi tiết cho các dự án được phân cấp quản lý.

- Việc phân bổ chi tiết cho các dự án được thực hiện theo các nguyên tắc và thứ tự ưu tiên sau :

+ Trả nợ cho các dự án đã được phê duyệt quy hoạch;

+ Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch, nhưng đảm bảo tổng kinh phí cấp cho dự án không vượt quá 70% giá trị Tổng dự toán đã được phê duyệt. Phần kinh phí còn lại sẽ được bố trí sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch.

+ Đối với các dự án mở mới: Chỉ bố trí cho các dự án đã phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí và đã tuyển chọn tư vấn theo quy định. Mức vốn bố trí phải đảm bảo theo tiến độ được phê duyệt trong Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.

- Vụ Kế hoạch tổng hợp phân bổ kế hoạch vốn thiết kế quy hoạch gửi Vụ Tài chính để tổng hợp trình Bộ thông qua gửi Bộ Tài chính thẩm tra theo quy định.

3. Giao Dự toán

Sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính, Vụ Tài chính giao dự toán theo danh mục và mức vốn cho từng dự án cho các cơ quan lập quy hoạch, đồng gửi Vụ Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để phối hợp quản lý, theo dõi. Việc giao dự toán được thực hiện cụ thể như sau:

- Đối với các dự án do các Tổng cục/Cục quản lý, Vụ Tài chính giao dự toán cho Tổng cục/Cục để ký hợp đồng với tổ chức, chuyên gia tư vấn thực hiện;

- Đối với các dự án do các Vụ quản lý, Vụ Tài chính giao dự toán cho Văn phòng Bộ để Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ quản lý dự án ký hợp đồng với tổ chức, chuyên gia tư vấn.

4. Lập Dự toán chi tiết hàng năm

Căn cứ vào kế hoạch vốn được phân bổ, Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được phê duyệt, tổ chức, chuyên gia tư vấn được tuyển chọn lập dự toán chi tiết trình Cơ quan lập quy hoạch phê duyệt.

Trường hợp Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đã được phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán, phân kỳ cho từng năm và đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện thì hàng năm không phải duyệt lại dự toán chi tiết.

5. Điều chỉnh kế hoạch vốn:

Khi có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch vốn, cơ quan quản lý dự án gửi đề xuất về Vụ Kế hoạch để tổng hợp gửi Vụ Tài chính xem xét, trình Bộ.

Điều 20. Định mức đơn giá lập Dự toán quy hoạch

1. Định mức đơn giá lập quy hoạch áp dụng theo quy định hiện hành về định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu chung cho cả nước.

2. Trường hợp các hạng mục công việc không có trong định mức, đơn giá theo quy định thì lập dự toán bổ sung phần ngoài đơn giá.

3. Đối với các ngành, lĩnh vực có định mức, đơn giá đặc thù đã được các Bộ ngành có thẩm quyền đồng ý cho áp dụng thì áp dụng theo định mức, đơn giá của chuyên ngành đó.

Điều 21. Điều chỉnh Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

Trong quá trình lập quy hoạch, nếu phát hiện có những bất hợp lý trong Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí hoặc nảy sinh những yếu tố tác động buộc phải điều chỉnh Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đã được duyệt, tổ chức/chuyên gia tư vấn lập quy hoạch báo cáo cơ quan lập quy hoạch trình Bộ xem xét điều chỉnh Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí, cụ thể:

Trong trường hợp thay đổi mục tiêu lập quy hoạch hoặc có những thay đổi lớn về nội dung làm vượt kinh phí Bộ đã giao, cơ quan lập quy hoạch lập Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí điều chỉnh gửi Vụ Kế hoạch thẩm định báo cáo Bộ trưởng xin chủ trương điều chỉnh. Sau khi được Bộ trưởng đồng ý, việc tổ chức thẩm định và trình phê duyệt lại Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí theo trình tự của dự án mới.

Trường hợp nội dung điều chỉnh không lớn, không làm sai lệch mục tiêu lập quy hoạch đã đặt ra và dự toán điều chỉnh không vượt hạn mức kinh phí được giao, cơ quan lập quy hoạch xem xét phê duyệt điều chỉnh hoặc trình Bộ phê duyệt điều chỉnh Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí theo phân cấp.

Chương IV

QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Điều 22. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các tổ chức, chuyên gia tư vấn lập quy hoạch thực hiện chế độ báo cáo định kỳ quý theo nội dung như phụ lục 3a về cơ quan lập quy hoạch, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính. Báo cáo quý II thay bằng báo cáo 6 tháng, báo cáo quý IV thay bằng báo cáo năm.

2. Cơ quan lập quy hoạch thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm theo nội dung như phụ lục 3b về Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ.

3. Báo cáo quý gửi trước ngày 20 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 20 tháng 6; báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 12.

4. Ngoài báo cáo tiến độ, các thông tin sau đây là thông tin bắt buộc phải gửi về cơ quan tổng hợp là Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính:

- Quyết định phê duyệt (kể cả phê duyệt điều chỉnh) Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí;

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn thực hiện quy hoạch;

- Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết hàng năm;

- Biên bản kiểm tra tiến độ;

- Quyết định phê duyệt quy hoạch;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án và thanh lý Hợp đồng;

- Quyết định phê duyệt quyết toán hàng năm và quyết toán hoàn thành dự án.

5. Cơ quan lập quy hoạch phân công đơn vị đầu mối làm chức năng quản lý các dự án quy hoạch, đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo.

Điều 23. Kiểm tra, nghiệm thu tiến độ lập quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch tổ chức kiểm tra tiến độ lập quy hoạch của các tổ chức, chuyên gia tư vấn theo nội dung và tiến độ công việc trong Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được phê duyệt.

2. Nội dung kiểm tra tiến độ gồm: khối lượng công việc đã thực hiện, chất lượng công việc, mức độ thực hiện khối lượng công việc so với tiến độ trong Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được phê duyệt, những vướng mắc và nguyên nhân. Kết quả kiểm tra tiến độ phải được thể hiện bằng biên bản như phụ lục 2 kèm theo.

3. Định kỳ nghiệm thu tiến độ vào tháng 6-7 của năm kế hoạch với các dự án thực hiện trong một năm; nghiệm thu tiến độ 2 kỳ vào tháng 6-7 và 11-12 của năm kế hoạch với các dự án thực hiện trong nhiều năm.

4. Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của các Tổng cục, Cục, Vụ và tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện quy hoạch của tất cả các đơn vị để làm căn cứ xây dựng kế hoạch năm và phân bổ hoặc điều chỉnh kế hoạch vốn thiết kế quy hoạch.

Điều 24. Thẩm định quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT

Trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành thẩm định quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT thực hiện theo các điều từ Điều 13 đến Điều 21 Mục 1 Chương III Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 25. Phê duyệt quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT

Trình tự, thủ tục trình phê duyệt quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT thực hiện theo các Điều 22, 24 Mục 2 Chương III Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 26. Giao nộp, lưu trữ tài liệu quy hoạch

1. Sau khi quy hoạch được phê duyệt, tổ chức, chuyên gia tư vấn căn cứ vào yêu cầu sản phẩm giao nộp trong Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đã phê duyệt và Hợp đồng kinh tế để xuất bản và giao nộp hồ sơ tài liệu quy hoạch về cơ quan lập quy hoạch.

2. Cơ quan lập quy hoạch chuyển 01 bộ tài liệu quy hoạch đến Vụ Kế hoạch, 01 bộ đến Trung tâm Tin học và Thống kê.

3. Đối với các tài liệu quy hoạch có nhu cầu sử dụng rộng rãi, đơn vị lập quy hoạch có trách nhiệm xây dựng kế hoạch xuất bản đáp ứng nhu cầu sử dụng gửi Vụ Kế hoạch để tổng hợp bố trí kinh phí thực hiện.

Điều 27. Quản lý kinh phí quy hoạch

1. Kinh phí quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT bao gồm kinh phí xây dựng và thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí; kinh phí lập, thẩm định quy hoạch; kinh phí công bố quy hoạch và các chi phí quản lý dự án quy hoạch khác được ngân sách Nhà nước cấp trên cơ sở dự toán được phê duyệt.

2. Việc quản lý cấp phát, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 28. Quyết toán hàng năm, nghiệm thu hoàn thành, và quyết toán hoàn thành dự án quy hoạch

1. Quyết toán hàng năm

Hàng năm, các đơn vị được giao dự toán thực hiện dự án quy hoạch căn cứ kế hoạch được giao, xác nhận kết quả nghiệm thu khối lượng thực hiện trong năm; căn cứ hồ sơ chứng từ chi hợp pháp, lập quyết toán kinh phí và tổng hợp vào quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị và báo cáo về Tổng cục (đối với dự án do Tổng cục quản lý) hoặc về Bộ (đối với các dự án do các Cục/Vụ thuộc Bộ quản lý) để thẩm tra phê duyệt quyết toán năm.

2. Nghiệm thu hoàn thành dự án quy hoạch

Sau khi quy hoạch được phê duyệt, sản phẩm quy hoạch được giao nộp đến nơi quy định, cơ quan lập quy hoạch làm thủ tục nghiệm thu hoàn thành dự án và thanh lý hợp đồng cho tổ chức, chuyên gia tư vấn.

3. Quyết toán hoàn thành dự án

Các cơ quan lập quy hoạch, Vụ Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị quyết toán tổng dự án kịp thời. Hồ sơ chuẩn bị để quyết toán tổng dự án quy hoạch, ngoài các hồ sơ tài liệu theo quy định tài chính, còn phải có các giấy tờ sau:

- Quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền;
 - Xác nhận của các đơn vị được giao quản lý hồ sơ quy định tại khoản 2, Điều 26 của Quy định này về việc cơ quan lập quy hoạch đã nộp đủ hồ sơ tài liệu quy hoạch;
 - Biên bản nghiệm thu thanh lý Hợp đồng;
4. Vụ Tài chính chủ trì quyết toán theo quy định tại Điều 11 của Quyết định này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Điều 29. Công bố quy hoạch

Công bố quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT thực hiện theo các Điều 31, 32 Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 30. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch

1. Các cơ quan lập quy hoạch của Bộ cùng phối hợp với các Bộ, Ngành, địa phương có liên quan xây dựng và trình Bộ, Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách đảm bảo thực hiện mục tiêu quy hoạch đã đề ra, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư đúng theo định hướng và mục tiêu phát triển trong giai đoạn quy hoạch.

2. Vụ Kế hoạch cùng phối hợp với các Tổng cục/Cục xây dựng kế hoạch chuẩn bị đầu tư, giới thiệu và kêu gọi các chủ thể tham gia đầu tư.

Điều 31. Kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch

1. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch thực hiện theo Nghị định số 99/2006/NĐ-CP ngày 15/9/2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

2. Các báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch của cơ quan quản lý, thông tin phản hồi từ các chủ thể được cập nhật vào thông tin giám sát đánh giá thực hiện quy hoạch của Bộ để xem xét, đề xuất điều chỉnh chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện.

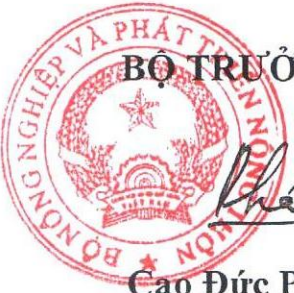
Điều 32. Điều chỉnh quy hoạch

Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định từ Điều 25 đến Điều 30 tại Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 33. Xử lý vi phạm

- Tổ chức, chuyên gia tư vấn có dự án không đạt yêu cầu phải làm lại, có từ 02 dự án hoặc 02 năm liên chậm giao nộp sản phẩm so với Hợp đồng đã ký kết hoặc Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được duyệt (trường hợp giao nhiệm vụ) sẽ không được tham gia thầu hoặc giao dự án mới cho đến khi hoàn thành giao nộp sản phẩm. Nếu sai phạm có tính hệ thống sẽ không được tham gia thực hiện các dự án do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý;

- Cơ quan lập quy hoạch thường xuyên vi phạm quy định về thời gian đăng ký dự án mở mới, thời gian phê duyệt Đề cương nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí, thời gian phê duyệt lựa chọn nhà thầu, không thực hiện chế độ kiểm tra, báo cáo định kỳ, không giao nộp sản phẩm; Cơ quan lập quy hoạch có từ 02 dự án hoặc 02 năm liên chậm tiến độ, có từ 03 dự án tồn đọng chưa phê duyệt quy hoạch hoặc chưa quyết toán hoàn thành sẽ không được giao dự án mới./.


BỘ TRƯỞNG
Phát
Cao Đức Phát

Phụ lục 1
MẪU ĐỀ CƯƠNG TÓM TẮT
DỰ ÁN QUY HOẠCH ĐĂNG KÝ MỞ MỚI
(Kèm theo Quyết định số 1349 /QĐ-BNN-KH ngày 18 tháng 6 năm 2014
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

ĐỀ CƯƠNG TÓM TẮT
DỰ ÁN QUY HOẠCH ĐĂNG KÝ MỞ MỚI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:
2. Địa điểm thực hiện:
3. Loại quy hoạch:
4. Hình thức quy hoạch (lập mới/ rà soát, điều chỉnh)
5. Thời gian thực hiện dự kiến:
6. Khái toán kinh phí:
7. Cơ quan đề xuất:
8. Cơ quan quản lý dự án:
9. Cấp phê duyệt
10. Hình thức thực hiện (Thuê tư vấn hay tự thực hiện)

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP QUY HOẠCH

1. Cơ sở đề xuất danh mục dự án mở mới:

Làm rõ sự cần thiết phải lập quy hoạch, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết. Trong trường hợp có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Bộ hoặc kiến nghị của các địa phương thì gửi văn bản kèm theo Đề cương tóm tắt;

2. Đánh giá tổng quan về tài liệu liên quan hiện có: các quy hoạch cũ, các tài liệu, tư liệu, bản đồ liên quan khác.

3. Mục tiêu thực hiện dự án:

- Mục tiêu chung;
- Mục tiêu cụ thể.

4. Nội dung quy hoạch và khối lượng công việc chính cần thực hiện:

- Nội dung quy hoạch (làm rõ các nội dung quy hoạch cần giải quyết);

- Khối lượng công việc ngoài đơn giá quy hoạch cần thực hiện:
- + Các điều tra chuyên ngành bổ sung (điều tra khảo sát địa hình, thủy văn, thổ nhưỡng, điều tra kinh tế xã hội...):
- + Đánh giá môi trường chiến lược

5. Phương pháp tiến hành quy hoạch:

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Hình thức thực hiện:

- Tự thực hiện (Làm rõ lý do tự thực hiện, mức độ tự thực hiện, các nội dung tự thực hiện, các nội dung thuê tư vấn);
- Thuê tư vấn (làm rõ một tư vấn hay nhiều tư vấn cùng tham gia, hướng phân chia công việc);
- Công tác kiểm tra giám sát chất lượng quy hoạch.

2. Tiến độ thực hiện dự án.

IV. SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Các báo cáo chính và báo cáo chuyên đề;
2. Các loại bản đồ.

V. NHU CẦU KINH PHÍ

1. Căn cứ tính toán;
2. Bảng dự toán chi phí cho từng nội dung công việc đặc biệt phân công việc ngoài đơn giá cần được làm rõ và lượng hóa, có các phụ lục dự toán kèm theo.

(Lãnh đạo cơ quan quản lý ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TIẾN ĐỘ DỰ ÁN QUY HOẠCH
(Dùng cho trường hợp thuê tư vấn lập quy hoạch)
(Kèm theo Quyết định số 1349 /QĐ-BNN-KH ngày 18 tháng 6 năm 2014
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

BỘ NÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
... (1) ...

Hà nội ngày... tháng... năm ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA TIẾN ĐỘ DỰ ÁN QUY HOẠCH

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:
2. Thành phần tham gia kiểm tra
 - 2.1. Đại diện cơ quan quản lý dự án:
 - Ông/Bà: Chức vụ:
 - Ông/Bà: Chức vụ:
 - 2.2. Đại diện khách mời:
 - Ông/Bà: Chức vụ:
 - Ông/Bà: Chức vụ:
 - 2.3. Đại diện đơn vị tư vấn:
 - Ông/Bà: Chức vụ:
 - Ông/Bà: Chức vụ:

KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Các tài liệu bên đơn vị tư vấn cấp:
 - Đề cương – Dự toán
 - Báo cáo tiến độ (lũy kế thực hiện đến kỳ kiểm tra);
 -
2. Đại diện đơn vị tư vấn báo cáo kết quả thực hiện công việc và nêu các kiến nghị
3. Các thành viên đoàn kiểm tra yêu cầu báo cáo giải trình làm rõ các nội dung:
 -
 -
4. Đại diện tư vấn tiếp tục báo cáo giải trình:
 -
 -
5. Trưởng đoàn kiểm tra kết luận:
 - Về khối lượng công việc so với kế hoạch đặt ra:
 - Về chất lượng công việc:

- Về tiến độ:
- Các vấn đề khác (Cách tổ chức lực lượng, phương pháp tiến hành công việc, nguồn kinh phí được cấp và tình hình sử dụng...)
- Phúc đáp các đề xuất kiến nghị của đơn vị tư vấn
- Các yêu cầu đối với đơn vị tư vấn

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan quản lý dự án

Phụ lục 3a
MẪU BÁO CÁO QUÝ, 6 THÁNG, CẢ NĂM
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH
(Dành cho các đơn vị tư vấn)

*(Kèm theo Quyết định số 1349/QĐ-BNN-KH ngày 18 tháng 6 năm 2014
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
...(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà nội ngày... tháng... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH
Quý ... năm...

Kính gửi: - (2).....;
- Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính

I. BÁO CÁO TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH

Báo cáo về tổng số dự án quy hoạch từ nguồn ngân sách của Bộ do đơn vị thực hiện phân chia theo cơ quan quản lý, theo tình trạng của dự án (đã quyết toán chờ thanh toán; đã phê duyệt quy hoạch chờ quyết toán và thanh toán; chờ thẩm định; dự kiến hoàn thành trong năm; tiếp tục; khởi công mới). Chủ yếu dùng biểu kèm phụ lục 3a và giải thích hoặc làm rõ thêm các vấn đề không thể hiện được trong biểu.

II. BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH

- Với 3 nhóm dự án: đã quyết toán chờ thanh toán; đã phê duyệt quy hoạch chờ nghiệm thu quyết toán và thanh toán; đã hoàn thành chờ thẩm định, chủ yếu báo cáo các vướng mắc (nếu có) liên quan đến thanh toán, nghiệm thu và thẩm định;

- Với 3 nhóm dự án còn lại: dự kiến hoàn thành trong năm; tiếp tục; khởi công mới, cần báo cáo chi tiết tình hình triển khai của **từng dự án một**, cụ thể:

+ Các công việc dự án cần thực hiện trong năm kế hoạch, trong đó công việc trong kỳ báo cáo;

+ Kết quả thực hiện trong kỳ và lũy kế đến kỳ báo cáo;

+ Tự đánh giá của đơn vị tư vấn về chất lượng, về tiến độ so với kế hoạch kỳ báo cáo và kế hoạch năm;

+ Các khó khăn, vướng mắc nếu có và biện pháp khắc phục;

+ Kế hoạch cho quý tiếp theo

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Các kiến nghị, đề xuất với cơ quan quản lý dự án;
- Các kiến nghị, đề xuất với Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính;
- Kiến nghị, đề xuất khác

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu

Lãnh đạo đơn vị tư vấn ký tên và đóng dấu

Ghi chú: (1) Tên đơn vị tư vấn;
(2) Tên cơ quan quản lý dự án

Phụ lục 3b
MẪU BÁO CÁO 6 THÁNG, CẢ NĂM
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH
(Dành cho các cơ quan quản lý dự án)
(Kèm theo Quyết định số 1349 QĐ-BNN-KH ngày 18 tháng 6 năm 2014
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
...(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà nội ngày... tháng... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM/NĂM ...

Kính gửi: Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính

I. BÁO CÁO TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH

Dùng biểu 1 kèm phụ lục 3b để báo cáo tổng quát tình hình quản lý các dự án quy hoạch. Báo cáo thuyết minh có thể giải thích hoặc làm rõ thêm các vấn đề không thể hiện được trong biểu.

II. BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH

Nội dung báo cáo chi tiết có thể thay đổi tùy nội dung công việc quản lý trong kỳ báo cáo.

Báo cáo 6 tháng đầu năm tập trung vào việc báo cáo:

- Tình hình thanh quyết toán hoàn thành của các dự án quy hoạch đã hoàn thành và có nghĩa vụ phải tổng hợp quyết toán hoàn thành; tình hình thanh quyết toán kinh phí năm trước của các dự án hoàn thành và tiếp tục;
- Tình hình phê duyệt dự toán năm (nếu có) và tình hình ứng vốn cho các dự án hoàn thành, tiếp tục và khởi công mới trong năm kế hoạch;
- Với các dự án đã quyết toán chờ thanh toán nhưng chưa được bố trí vốn, cần nêu rõ nguyên nhân;
- Với các dự án đã phê duyệt quy hoạch chờ nghiệm thu quyết toán và thanh toán cần báo cáo về tình hình nghiệm thu, thanh lý hợp đồng. Trường hợp chưa bố trí nguồn vốn thanh toán cần nêu rõ nguyên nhân;
- Với các dự án đã hoàn thành chờ thẩm định, cần báo cáo về tình hình thẩm định, khả năng dự án được thông qua hay còn nhiều vướng mắc có thể kéo dài...;

- Với các dự án khởi công mới, cần báo cáo về tình hình tuyển chọn tư vấn (trường hợp chưa kịp tuyển chọn trước 31/12 năm trước năm kế hoạch); tình hình ký kết hợp đồng, tạm ứng tiền cho bên tư vấn triển khai.

Báo cáo 6 tháng cuối năm và cả năm, tập trung vào việc báo cáo tình hình kiểm tra tiến độ, kiểm tra nghiệm thu khối lượng năm; tình hình thanh toán vốn, việc điều chỉnh kế hoạch vốn (nếu có); tình hình phê duyệt Đề cương – Dự toán, tình hình tuyển chọn tư vấn cho các dự án mới vào kế hoạch năm sau.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Các kiến nghị, đề xuất với Bộ, với Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính;
- Kiến nghị, đề xuất khác

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu

Lãnh đạo cơ quan quản lý ký tên và đóng dấu

Ghi chú: (1) Tên cơ quan quản lý dự án;